

# KHẢO SÁT THỦ PHÁP HỌC CHỮ HÁN CỦA SINH VIÊN TIẾNG NHẬT

Thân Thị Kim Tuyền\*

*Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN  
Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận bài ngày 07 tháng 05 năm 2019

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 09 năm 2019; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 09 năm 2019

**Tóm tắt:** Đối với người học tiếng Nhật, một trong những khó khăn là học chữ Hán. Số lượng chữ Hán và các từ cấu tạo từ những chữ Hán đó trong giảng dạy tiếng Nhật là trên 7000 từ với 2.500 chữ Hán. Ngoài ra, khi ghi nhớ chữ Hán người học cần ghi nhớ cả 3 yếu tố: cách viết, cách đọc (âm ON và âm KUN) và nghĩa. Vì vậy để ghi nhớ được chữ Hán, người học thường dùng nhiều thủ pháp. Nghiên cứu đã khảo sát 123 sinh viên năm thứ 3 Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và xác định tần suất sử dụng các thủ pháp. Ngoài ra, nghiên cứu còn khảo sát sự khác biệt trong việc sử dụng các thủ pháp của sinh viên nam và sinh viên nữ, của sinh viên có trình độ tiếng Nhật khác nhau (N1, N2, N3). Trong phần điều tra khảo sát có phần tự luận nhằm tìm ra các thủ pháp học chữ Hán khác mà sinh viên sử dụng, ngoài các thủ pháp đã được liệt kê trong bản điều tra khảo sát. Thủ pháp có tần suất sử dụng cao là “Tra từ điển những chữ Hán mình không biết”, “Viết đi viết lại nhiều lần” và nhiều thủ pháp được sử dụng với tần suất cao có liên quan tới âm Hán Việt. Sự khác biệt về giới tính trong việc sử dụng các thủ pháp thể hiện trong việc các sinh viên nam hay dùng các thủ pháp liên quan tới thị giác, trong khi các sinh viên nữ có xu hướng cố gắng sử dụng chữ Hán khi viết và liên tưởng. Sinh viên hay sử dụng âm Hán Việt khi học chữ Hán. Tuy nhiên trình độ càng lên cao thì sự phụ thuộc vào âm Hán Việt càng ít đi.

**Từ khoá:** chữ Hán, thủ pháp học chữ Hán, từ Hán Việt

## 1. Mở đầu

Người Việt Nam khi học tiếng Nhật thường gặp một số khó khăn như: học chữ Hán, cách dùng kính ngữ... Theo Ishida (1995), trong môi trường không sử dụng chữ Hán thì việc học chữ Hán càng khó khăn hơn. Người học phải nhớ số lượng chữ Hán lớn và các từ được cấu tạo từ các chữ Hán đó. Hơn nữa, một chữ Hán cần phải nhớ 3 yếu tố: cách viết, cách đọc và nghĩa.

Việt Nam hiện nay không thuộc môi trường sử dụng chữ Hán, tuy nhiên được coi là thuộc Khu vực văn hoá chữ Hán (漢字文化

圏), nghĩa là lượng từ vựng có nguồn gốc từ chữ Hán tương đối lớn. Do vậy yếu tố đó có thể ảnh hưởng tới các thủ pháp học chữ Hán của người Việt Nam khi học tiếng Nhật.

Để tìm ra các thủ pháp mà người Việt Nam sử dụng khi học chữ Hán, tần suất sử dụng các thủ pháp, thủ pháp nào là thủ pháp hay được sử dụng và thủ pháp nào ít được sử dụng, có sự khác biệt nào trong việc sử dụng các thủ pháp học chữ Hán của nam và nữ, của người học ở các trình độ tiếng Nhật khác nhau (N1, N2, N3), nghiên cứu đã tiến hành điều tra khảo sát về thủ pháp học chữ Hán của các sinh viên năm thứ 3 Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.

\* ĐT.: 84-989557011

Email: kimtuyen2002@gmail.com

## 2. Điều tra khảo sát về thủ pháp học chữ Hán của sinh viên Việt Nam học tiếng Nhật

### 2.1 Thông tin điều tra khảo sát

Điều tra khảo sát được tiến hành tại Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN vào tháng 12 năm 2018. Đối tượng khảo sát là sinh viên năm thứ 3. Số lượng sinh viên tham gia là 123 sinh viên. Trong đó có 15 sinh viên nam và 108 sinh viên nữ. Cấp độ N1: 4 sinh viên, N2: 57 sinh viên, N3: 50 sinh viên, N4: 2 sinh viên. Việc lựa chọn đối tượng khảo sát là ngẫu nhiên.

Bản điều tra được chia thành 2 phần. Phần 1 gồm những thông tin cá nhân như giới tính, trình độ tiếng Nhật, thích hay không thích chữ Hán, giỏi hay không giỏi chữ Hán.... Phần 2 gồm những thủ pháp học chữ Hán được chia theo các nhóm. Phương thức trả lời là khoanh tròn 1 trong 4 lựa chọn: hay dùng, thỉnh thoảng dùng, ít khi dùng, không dùng. Ngoài ra có phần tự luận về các thủ pháp học chữ Hán khác ngoài thủ pháp đã được đưa ra.

Nội dung điều tra của phần 2 gồm những câu hỏi về thủ pháp học chữ Hán dựa trên bảng câu hỏi điều tra SILL (Strategy Inventory for Language Learning). Bảng câu hỏi về các thủ

pháp học ngoại ngữ (SILL) được Oxford xây dựng năm 1990, gồm có 80 thủ pháp được chia thành 6 nhóm. Ngoài ra trong câu hỏi điều tra được thực hiện còn có thêm một số thủ pháp học chữ Hán có liên quan tới âm Hán Việt. Những thủ pháp liên quan tới âm Hán Việt được tác giả thu thập trong việc phỏng vấn về thủ pháp học chữ Hán được tiến hành trước đó.

Các kết quả được thống kê, phân tích, so sánh bình quân tần suất sử dụng. Ngoài ra chi-square test còn được sử dụng để tìm ra có sự khác nhau đáng kể hay không trong việc sử dụng các thủ pháp giữa các nhóm khảo sát.

### 2.2 Kết quả khảo sát

#### 2.2.1 Tần suất sử dụng của các phương pháp

Tần suất trung bình của việc sử dụng các thủ pháp trong bảng câu hỏi điều tra là 2.81, một con số tương đối cao. Điều này chứng tỏ các sinh viên Việt Nam thường xuyên sử dụng các thủ pháp để học chữ Hán, không như những học sinh trong môi trường chữ Hán, trong cuộc sống hàng ngày thường xuyên tiếp xúc với chữ Hán nên chữ Hán có thể được ghi nhớ một cách tự nhiên. Kết quả này so với kết quả khảo sát đối với 416 sinh viên học tiếng Nhật của các trường đại học (Thân Thị Kim Tuyền, 2005) là 2.83 thì không có sự khác biệt lớn.

Bảng 1: Mười thủ pháp thường xuyên được sử dụng nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	I3. Tra từ điển những chữ Hán mình không biết	3.78
2	D5. Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt	3.46
3	B7. Liên tưởng với âm Hán Việt	3.45
4	D1. Ghi nhớ âm Hán Việt	3.42
5	I11. Sử dụng Internet	3.38
6	A7. Viết đi viết lại nhiều lần	3.36
7	C5. Liên hệ với âm Hán Việt	3.28
8	F2. Nhớ chữ Hán trong câu văn nào đó mà nó xuất hiện	3.27
9	A4. Liên tưởng đến các chữ Hán có hình dạng tương tự đã biết	3.27
10	A1. Ghi nhớ ý nghĩa của chữ Hán	3.25

Chú ý: Các ký hiệu I3, D5... chỉ các thủ pháp được liệt kê theo từng nhóm (tham khảo bản câu hỏi điều tra).

Từ kết quả trên đây, chúng ta có thể thấy thủ pháp được sử dụng nhiều nhất là “Tra từ điển những chữ Hán mình không biết”. Kết quả này cũng cùng chung với kết quả của Kano (1998). Kano đã tiến hành điều tra khảo sát các sinh viên học tiếng Nhật trình độ sơ cấp và trung cấp từ các nước khác nhau. Kano cũng chỉ ra rằng thủ pháp này không phụ thuộc vào học sinh nước nào, ngôn ngữ gì, đây là thủ pháp được sử dụng nhiều. Từ điển có rất nhiều loại và hiện nay số lượng từ điển điện tử, online... ngày càng gia tăng nên số lượng người sử dụng cũng tăng lên nhiều. Trong từ điển có nhiều thông tin như cách viết chữ Hán, ví dụ, từ ghép với chữ Hán đó.... nên người học có thể lựa chọn thông tin phù hợp với mục đích của mình.

Điều đáng chú ý là trong 10 thủ pháp thường xuyên được sử dụng có tới 4 thủ pháp liên quan tới âm Hán Việt như “Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt” (3.46), “Liên tưởng với âm Hán Việt” (3.45), “Ghi nhớ âm Hán Việt” (3.42), “Liên hệ với âm Hán Việt” (3.28). Kết quả này cho thấy âm Hán Việt được sinh viên Việt Nam học tiếng Nhật sử dụng nhiều trong việc học chữ Hán. Trong kết quả điều tra của Thân Thị Kim Tuyên (2005), trong 5 thủ pháp được các sinh viên hay sử dụng nhất cũng có 2 thủ pháp liên quan tới âm Hán Việt. Đó là “Ghi nhớ âm Hán Việt” (3.57) và “Liên tưởng với âm

Hán Việt” (3.43). Từ đó có thể kết luận là các thủ pháp liên quan tới âm Hán Việt thường được các sinh viên thường xuyên sử dụng. Lý do là Việt Nam hiện nay không thuộc các nước dùng chữ Hán nhưng là nước thuộc khu vực “Văn hoá chữ Hán”. Theo các nghiên cứu thì số lượng từ Hán Việt được sử dụng trong văn phong chính luận như báo chí... chiếm hơn 60%. Vì vậy việc học âm Hán Việt để học chữ Hán có lẽ có hiệu quả đối với người Việt Nam học tiếng Nhật. Ngoài ra, thủ pháp có tần suất sử dụng cao thứ 6 là “Viết đi viết lại nhiều lần” (3.36) cũng là thủ pháp hay được sử dụng trong các điều tra trước: Okita (1995), Yokosuka (1995). Okita đã tiến hành điều tra về thủ pháp học chữ Hán của 84 sinh viên trình độ sơ cấp của Đại học Hawaii. Thủ pháp “Viết đi viết lại nhiều lần” là thủ pháp được sử dụng nhiều nhất. Yokosuka đã tiến hành điều tra các thủ pháp học chữ Hán trước, trong và sau giờ học của người học tiếng Nhật. Kết quả là việc viết đi viết lại một cách có hệ thống các từ đơn giúp cho học sinh ghi nhớ chữ Hán. Lý do việc viết đi viết lại nhiều lần sẽ giúp hình thành một thói quen. Ngoài ra, không chỉ đối với học sinh của các nước không sử dụng chữ Hán, mà với học sinh Nhật Bản, ngay khi bắt đầu học chữ Hán, học sinh đã được yêu cầu viết đi viết lại nhiều lần. Ngoài ra, thủ pháp này còn dễ dàng kết hợp được với các thủ pháp khác nên tần suất sử dụng cao.

Bảng 2: Mười thủ pháp ít được sử dụng nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	H2. Hệ thống hóa những chữ Hán hay nhầm vào số từ	2.34
2	I10. Sử dụng giáo trình bổ trợ ngoài giáo trình chuyên về chữ Hán	2.34
3	G10. Cùng với bạn luyện tập chữ Hán	2.33
4	E1. Dùng những câu chuyện đã có để nhớ chữ Hán	2.27
5	E3. Tự mình nghĩ ra những câu chuyện để nhớ chữ Hán	2.25
6	A6. Nhớ thật kỹ nét đầu tiên	2.20
7	G7. Luôn mang theo các thẻ chữ Hán hoặc sổ từ chữ Hán	2.11
8	G8. Dán chữ Hán lên tường, cửa ,... để ghi nhớ	2.10
9	A9. Tìm hiểu nguồn gốc cấu tạo của chữ Hán đó	1.97

Các thủ pháp có tần suất sử dụng thấp là “Tìm hiểu nguồn gốc cấu tạo của chữ Hán đó”(1,96), “Dán chữ Hán lên tường, cửa...để ghi nhớ” (2,10), “Luôn mang theo các thẻ chữ Hán hoặc sổ từ chữ Hán” (2.11), “Nhớ thật kỹ nét đầu tiên” (2.20), “Tự mình nghĩ ra những câu chuyện để nhớ chữ Hán”(2.25). Những thủ pháp này ít được sử dụng có lẽ là do những tài liệu hỗ trợ cho việc học chữ Hán về nguồn gốc chữ Hán, những câu chuyện về chữ Hán cho người Việt Nam học tiếng Nhật còn ít. Ngoài ra, số lượng chữ Hán mà có thể dùng các câu chuyện để kể cũng có giới hạn. Việc dán chữ Hán lên tường... để ghi nhớ còn ít có thể do sinh viên thường ở chung phòng, vì vậy việc dùng thủ pháp này không phải là thuận

tiện trong môi trường như vậy. Thêm vào đó, việc ít sinh viên tự mình nghĩ ra những câu chuyện để ghi nhớ chữ Hán có lẽ do giáo viên dạy chữ Hán cũng không thường xuyên kể những câu chuyện để nhớ chữ Hán, giúp sinh viên tự nghĩ ra những câu chuyện của riêng mình để ghi nhớ chữ Hán.

2.2.2 Giới tính và sự khác biệt trong việc sử dụng các thủ pháp học chữ Hán

Điều tra khảo sát được tiến hành đối với 15 sinh viên nam và 108 sinh viên nữ thuộc năm thứ 3 khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Nhật Bản, Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN. Sau đây là 10 thủ pháp mà sinh viên nam hay sử dụng nhất và ít sử dụng nhất.

Bảng 3: Mười thủ pháp được sinh viên nam sử dụng nhiều nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	D5. Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt	3.60
2	I3. Tra từ điển những chữ Hán mình không biết	3.60
3	A7. Viết đi viết lại nhiều lần	3.47
4	B7. Liên tưởng với âm Hán Việt	3.33
5	B5. Liên tưởng với âm của những từ tiếng Việt	3.27
6	A5. Chú ý tới thứ tự các nét viết của chữ Hán	3.21
7	A1. Ghi nhớ ý nghĩa của chữ Hán	3.20
8	D1. Ghi nhớ âm Hán Việt	3.20
9	F3. Đọc nhiều để ghi nhớ chữ Hán	3.20
10	I4. Chú ý những chữ Hán mà gặp ở ngoài lớp học như biển hiệu...	3.20

2 thủ pháp sinh viên nam hay dùng nhất là “Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt” (3.60), “Tra từ điển những chữ Hán mà mình không biết” (3.60). Tiếp theo đó là thủ

pháp “Viết đi viết lại nhiều lần”(3.47), “Liên tưởng tới âm Hán Việt”(3.33) và “Liên tưởng với âm của những từ tiếng Việt”(3.27).

Bảng 4: Mười thủ pháp được sinh viên nam sử dụng ít nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	G10. Cùng với bạn luyện tập chữ Hán	2.31
2	A6. Nhớ thật kỹ nét đầu tiên	2.27
3	F4. Đặt câu và tạo ra từ ghép để sử dụng chữ Hán đó	2.27
4	A13. Ghi nhớ chữ Hán gắn liền với khung cảnh khi nhìn thấy nó	2.21

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
5	B4. Tổng kết thành những chữ Hán mà có cách đọc giống nhau	2.20
6	E3. Tự mình nghĩ ra những câu chuyện để nhớ chữ Hán	2.20
7	G5. Hàng ngày hoặc hàng tuần học một số lượng chữ Hán nhất định	2.20
8	G8. Dán chữ Hán lên tường, cửa, ... để ghi nhớ	2.13
9	E1. Dùng những câu chuyện đã có để nhớ chữ Hán	2.07
10	A9. Tìm hiểu nguồn gốc cấu tạo của chữ Hán đó	2.00

Các thủ pháp sinh viên nam ít sử dụng nhất là “Tìm hiểu nguồn gốc cấu tạo của chữ Hán đó” (2.00), “Dùng những câu chuyện đã có để nhớ chữ Hán” (2.07), “Dán chữ Hán lên tường, cửa... để ghi nhớ” (2.13), “Tổng kết những chữ Hán mà có cách đọc giống nhau” (2.20), “Tự mình nghĩ ra những câu chuyện để nhớ chữ Hán” (2.20), “Hàng ngày hoặc hàng tuần học một số lượng chữ Hán nhất định” (2.20).

Từ kết quả trên chúng ta thấy các sinh viên nam có xu hướng sử dụng những thủ pháp liên quan tới suy đoán, liên tưởng. Các thủ pháp ít được sinh viên nam sử dụng là những thủ pháp cần sự tìm tòi, mất công sức, kế hoạch để thực hiện.

Sau đây là 10 thủ pháp mà sinh viên nữ hay sử dụng nhất và ít sử dụng nhất.

Bảng 5: Mười thủ pháp được sinh viên nữ sử dụng nhiều nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	I3. Tra từ điển những chữ Hán mình không biết	3.81
2	B7. Liên tưởng với âm Hán Việt	3.46
3	D1. Ghi nhớ âm Hán Việt	3.44
4	D5. Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt	3.43
5	I11. Sử dụng Internet	3.41
6	A7. Viết đi viết lại nhiều lần	3.33
7	C5. Liên hệ với âm Hán Việt	3.31
8	A4. Liên tưởng đến các chữ Hán có hình dạng tương tự đã biết	3.29
9	F1. Nhớ chữ Hán trong từ ghép	3.29
10	H3. Nhớ những chữ Hán mà mình thích	3.26

Những thủ pháp mà sinh viên nữ sử dụng nhiều nhất là “Tra từ điển những chữ Hán mình không biết” (3.81), “Liên tưởng với âm Hán Việt” (3.46), “Ghi nhớ âm Hán Việt” (3.44), “Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt” (3.43), “Sử dụng internet” (3.41). So với các sinh viên nam, thủ pháp được sử dụng nhiều nhất cũng giống nhau, đó là “Tra từ điển

những chữ Hán mình không biết”. Ngoài ra, việc sử dụng âm Hán Việt thường xuyên trong việc học chữ Hán cũng là một đặc điểm chung của các sinh viên nữ và các sinh viên nam. Và điều này có thể giải thích bằng việc hiện nay âm Hán Việt còn được sử dụng nhiều trong tiếng Việt.



Bảng 6: Mười thủ pháp được sinh viên nữ ít sử dụng nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	G10. Cùng với bạn luyện tập chữ Hán	2.35
2	I10. Sử dụng giáo trình bổ trợ ngoài giáo trình chuyên về chữ Hán	2.34
3	H2. Hệ thống hóa những chữ Hán hay nhằm vào số từ	2.32
4	E1. Dùng những câu chuyện đã có để nhớ chữ Hán	2.31
5	E3. Tự mình nghĩ ra những câu chuyện để nhớ chữ Hán	2.27
6	F4. Đặt câu và tạo ra từ ghép để sử dụng chữ Hán đó	2.27
7	A6. Nhớ thật kỹ nét đầu tiên	2.19
8	G8. Dán chữ Hán lên tường, cửa... để ghi nhớ	2.08
9	A9. Tìm hiểu nguồn gốc cấu tạo của chữ Hán đó	1.98
10	G4. Hàng ngày hoặc hàng tuần học chữ Hán vào những thời gian nhất định	1.23

Những thủ pháp mà sinh viên nữ ít sử dụng là “Tìm hiểu nguồn gốc cấu tạo của chữ Hán đó” (1.98), “Dán chữ Hán lên tường, cửa.. để ghi nhớ” (2.08), “Nhớ thật kỹ nét đầu tiên” (2.19), “Tự mình nghĩ ra những câu chuyện để nhớ chữ Hán” (2.27), “Đặt câu và tạo ra từ ghép để sử dụng chữ Hán đó” (2.27). Những thủ pháp mà sinh viên nữ cũng như sinh viên nam ít sử dụng là “Tìm hiểu nguồn gốc cấu tạo của chữ Hán đó”, “Dán chữ Hán lên tường, cửa.. để ghi nhớ”, “Tự mình nghĩ ra những câu chuyện để nhớ chữ Hán”. Đây là những thủ pháp cần sự tìm tòi, thời gian của người học.

Kết quả phân tích sử dụng chi-square tests cho thấy những thủ pháp có sự khác biệt giữa nam và nữ là những thủ pháp sau:

Các thủ pháp mà nam sử dụng nhiều hơn hẳn so với nữ là 3 thủ pháp: “Chú ý tới các thứ tự các nét viết của chữ Hán” và “Nhớ những chữ Hán mà mình thích”, “Đọc sách, truyện tranh Nhật Bản”. Trong khi đó các thủ pháp mà nữ sử dụng nhiều hơn hẳn so với nam gồm 5 thủ pháp: “Khi viết cố gắng sử dụng chữ Hán”, “Nhớ theo bộ”, “Vừa đọc vừa viết cách đọc xuống”, “Liên tưởng với âm của những từ Nhật đã học”, “Nhớ bằng cách liên tưởng với âm On”. Từ kết quả trên,

chúng ta có thể thấy các sinh viên nam có xu hướng sử dụng các thủ pháp liên quan tới thị giác, trong khi các sinh viên nữ có xu hướng sử dụng các thủ pháp liên quan tới việc viết nhiều lần, khả năng liên tưởng.

Tuy nhiên kết quả điều tra sẽ có độ tin cậy cao hơn nếu số lượng sinh viên nam tham gia trả lời câu hỏi điều tra nhiều hơn. Trong lần điều tra này, số lượng sinh viên nam là 15 em, số lượng còn ít so với số sinh viên nữ là 108 em.

### 2.2.3 Trình độ tiếng Nhật và sự khác biệt trong việc sử dụng các thủ pháp học chữ Hán

Trình độ tiếng Nhật được chia thành 5 cấp độ: N5, N4, N3, N2 và N1. N5 là trình độ thấp nhất, số lượng chữ Hán N5 là 80 chữ, N4 là 240 chữ, N3 là 640 chữ, N2 là 1000 chữ và N1 là 2136 chữ. Số lượng sinh viên tham gia trả lời câu hỏi điều tra có chứng chỉ tiếng Nhật như sau: N1: 4 sinh viên, N2: 57 sinh viên, N3: 50 sinh viên, N4: 2 sinh viên, không trả lời là 8 sinh viên. Số lượng sinh viên có N4 chỉ có 2 sinh viên, vì vậy nghiên cứu này không tổng kết kết quả điều tra của 2 sinh viên cấp độ N4.

Bảng 7: Mười thủ pháp được sinh viên trình độ N1 sử dụng nhiều nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	A5. Chú ý tới các thứ tự các nét viết của chữ Hán	4.00
2	A7. Viết đi viết lại nhiều lần	4.00
3	I3. Tra từ điển những chữ Hán mình không biết	4.00
4	H4. Nhớ những chữ Hán mà mình ghét	3.82
5	A1. Ghi nhớ ý nghĩa của chữ Hán	3.67
6	A8. Khi viết cố gắng sử dụng chữ Hán	3.67
7	B7. Liên tưởng với âm Hán Việt	3.67
8	C3. Liên hệ với những chữ Hán đồng nghĩa	3.50
9	D5. Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt	3.50
10	I2. Hỏi bạn bè những chữ Hán mình không biết	3.50

Các sinh viên trình độ N1 hay sử dụng các thủ pháp như “Chú ý tới thứ tự các nét viết của chữ Hán” (4.0), “Tra từ điển những chữ Hán mình không biết” (4.0), “Viết đi viết lại nhiều

lần” (4.0). Từ kết quả này, có thể nói việc viết đi viết lại nhiều lần, tra từ điển, chú ý tới thứ tự các nét viết của chữ Hán là rất quan trọng để việc học tốt chữ Hán.

Bảng 8: Mười thủ pháp được sinh viên trình độ N2 sử dụng nhiều nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	B7. Liên tưởng với âm Hán Việt	3.58
2	A4. Liên tưởng đến các chữ Hán có hình dạng tương tự đã biết	3.54
3	D5. Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt	3.49
4	A7. Viết đi viết lại nhiều lần	3.48
5	D1. Ghi nhớ âm Hán Việt	3.47
6	B6. Liên tưởng với âm của những từ Nhật đã học	3.46
7	F1. Nhớ chữ Hán trong từ ghép	3.42
8	I11. Sử dụng Internet	3.41
9	A1. Ghi nhớ ý nghĩa của chữ Hán	3.35
10	A11. Chú ý tới các thành phần hợp thành của chữ Hán đó	3.31

Như đã tổng kết ở bảng trên, các thủ pháp mà sinh viên có trình độ N2 hay sử dụng là “Liên tưởng tới âm Hán Việt” (3.58), “Liên tưởng đến các chữ Hán có hình dạng tương tự đã biết” (3.54), “Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt” (3.49), “Viết đi viết lại nhiều lần” (3.48), “Ghi nhớ âm Hán Việt” (3.47). 3 trong số 5 thủ pháp được sinh viên

trình độ N2 sử dụng nhiều nhất đều liên quan tới âm Hán Việt. Điều này càng thêm củng cố sự sử dụng thường xuyên của âm Hán Việt trong việc học chữ Hán của sinh viên. Việc “Viết đi viết lại nhiều lần” cũng là thủ pháp được các sinh viên N1 cũng như N2 thường xuyên sử dụng.

Bảng 9: Mười thủ pháp được sinh viên trình độ N3 sử dụng nhiều nhất

TT	Thủ pháp	Tần suất sử dụng
1	B7. Liên tưởng tới âm Hán Việt	3.58
2	I11. Sử dụng Internet	3.52
3	D1. Ghi nhớ âm Hán Việt	3.50
4	D5. Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt	3.46
5	C5. Liên hệ với âm Hán Việt	3.38
6	A7. Viết đi viết lại nhiều lần	3.29
7	B2. Vừa đọc vừa viết cách đọc xuống	3.28
8	F3. Đọc nhiều để ghi nhớ chữ Hán	3.28
9	G2. Tra từ điển lại những chữ Hán đã học	3.28
10	A4. Liên tưởng đến các chữ Hán có hình dạng tương tự đã biết	3.24

Đối với sinh viên trình độ N3, 4 trong 5 thủ pháp hay được sử dụng nhiều nhất có liên quan tới âm Hán Việt. Thủ pháp có tần suất sử dụng cao nhất là “Liên tưởng tới âm Hán Việt” (3.58), tiếp theo là “Ghi nhớ âm Hán Việt” (3.52), “Đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt” (3.46), “Liên hệ với âm Hán Việt” (3.38). Trong khi đó, các sinh viên trình độ N1 hay sử dụng các thủ pháp như “Chú ý tới thứ tự các nét viết của chữ Hán” (4.0), “Tra từ điển những chữ Hán mình không biết” (4.0), “Viết đi viết lại nhiều lần” (4.0). Qua kết quả so sánh với các sinh viên trình độ N1, có thể thấy rằng các sinh viên có sử dụng âm Hán Việt trong việc học chữ Hán, nhưng việc quá chú trọng tới âm Hán Việt không nhất thiết sẽ giúp sinh viên học giỏi chữ Hán. Sinh viên càng giỏi chữ Hán thì càng sử dụng ít thủ pháp liên quan tới âm Hán Việt, điều đó có thể giải thích là khi đã giỏi chữ Hán thì người học sẽ tư duy trực tiếp từ tiếng Nhật chứ không cần hoán đổi sang âm Hán Việt.

#### 2.2.4. Các thủ pháp học chữ Hán khác

Ngoài ra, các sinh viên được điều tra khảo sát còn liệt kê thêm các thủ pháp hay sử dụng khi học chữ Hán. Đó là các thủ pháp như sau:

- Nhớ theo cách giải nghĩa của giáo viên.
- Đọc phụ đề phim.
- Ghi chú cách đọc và nghĩa của chữ Hán vào bên cạnh trong các bài đọc.
- Đọc nhiều, tiếp xúc nhiều chữ Hán.
- Làm bài tập, tra từ điển.
- Học chữ Hán gắn liền với học từ, học từng chữ.
- Đọc nhiều văn bản.
- Tra lại ngay chữ Hán đã quên, học chữ Hán theo chủ đề.
- Liệt kê các chữ Hán có một bộ phận giống nhau, khác bộ.
- Nhớ chữ Hán qua những đặc điểm bản thân dễ nhầm lẫn.
- Học chữ Hán theo danh sách chữ Hán phân chia theo các cấp độ (N5, N4, N3, N2, N1).
- Đọc nhiều, cố gắng không nhầm Hán Nhật với chữ Hán phồn thể và giản thể của Trung Quốc.
- Tạo ra câu chuyện cho chữ Hán để nhớ cách viết.



- Tra những chữ Hán chưa biết ở trong các văn bản, sau đó viết lại những từ đó vào một quyển sổ, thỉnh thoảng ngồi mở sổ ra xem lại.

- Nhớ nghĩa theo bộ, nhớ bộ đầu tiên của chữ.

- Viết mẫu một chữ Hán ra rồi ghi đầy đủ âm Hán-Việt, âm On, âm Kun của chữ ra.

- Ghi xuống bên dưới những từ vựng thuộc chữ Hán mà mình hay gặp.

- Dán những chữ Hán hay gặp, hay quên trên tường, xung quanh bàn học.

- Nhớ chữ Hán theo nghĩa khi ghép vào các từ có nghĩa.

- Học cách đọc âm On, âm Kun bằng cách học thuộc, nhớ từ vựng có chữ Hán đó.

- Học chữ Hán những lúc thấy hứng thú.

- Nhớ những từ ghép đi kèm và văn cảnh.

- Xem Anime, đọc truyện tranh...

- Đọc sách tiếng Nhật.

- Viết ra những tấm thẻ nhỏ, mặt trước ghi chữ Hán và cách đọc, mặt sau ghi nghĩa rồi trao lên, mỗi ngày đều mang ra ôn.

- Ôn tập với bạn.

- Cố đoán nghĩa dựa trên những bộ thủ đã biết.

- Học qua bài hát, tin tức, phim Nhật.

- Chăm luyện đọc nhiều để tập đoán từ.

- Luyện tập bằng app khi có thời gian rảnh.

- Tra ý nghĩa qua Internet.

- Dùng chữ Hán mọi lúc có thể.

- Chú ý thứ tự nét và nghĩa chữ Hán.

- Sử dụng chữ Hán thường xuyên thay vì chữ Hiragana trong khi viết.

- Nhìn chữ Hán nhiều lần.

- Học chữ Hán qua nhãn hàng, tờ hướng dẫn sử dụng.

- Mỗi ngày học từ 10-20 chữ Hán, ngày hôm sau ôn tập lại.

- Chuyên ngôn ngữ trên điện thoại và các ngôn ngữ đang sử dụng sang tiếng Nhật.

- Vừa viết chữ Hán, vừa viết chữ Kana để ghi nhớ âm.

- Đánh máy văn bản tiếng Nhật để nhớ mặt chữ.

- Làm bài kiểm tra chữ Hán.

Từ điển giải trên đây, chúng ta có thể thấy sinh viên sử dụng rất nhiều thủ pháp khác ngoài thủ pháp đã được liệt kê. Những thủ pháp được sử dụng rất đa dạng, phong phú. Những thủ pháp gắn liền với sự phát triển của xã hội hiện đại như sử dụng App học chữ Hán, đổi ngôn ngữ điện thoại sang ngôn ngữ tiếng Nhật... Những thủ pháp được liệt kê trên có thể được sử dụng trong bản điều tra khảo sát để tiếp tục nghiên cứu khảo sát về thủ pháp học chữ Hán của người Việt Nam học tiếng Nhật.

### 3. Kết luận

Trên đây là kết quả điều tra khảo sát thủ pháp học chữ Hán của các sinh viên học tiếng Nhật. Các sinh viên đã sử dụng nhiều thủ pháp để ghi nhớ chữ Hán. Vì vậy, khi dạy chữ Hán cho sinh viên, việc giới thiệu cho sinh viên nhiều thủ pháp học để học sinh lựa chọn là cần thiết. Việc lựa chọn các thủ pháp sẽ tùy thuộc vào tính cách của người học, mục đích học. Nhìn vào các thủ pháp có tần suất sử dụng cao thì khi dạy chữ Hán, việc quan trọng là giới thiệu các quyển từ điển thích hợp cho việc học chữ Hán, và yêu cầu học sinh viết đi viết lại nhiều lần. Ngoài ra, có sự khác biệt trong việc sử dụng các thủ pháp học chữ Hán của nam và nữ: các sinh viên nam có khuynh hướng sử dụng các thủ pháp liên quan tới thị giác, trong khi các sinh viên nữ có xu hướng sử dụng các thủ pháp liên quan tới việc viết nhiều lần, khả năng liên tưởng... Việc sử dụng âm Hán Việt trong việc học chữ Hán là cần thiết, nhưng không nên lạm dụng âm Hán Việt.

**Tài liệu tham khảo****Tiếng Anh**

Oxford, R (1986). Development of the Strategy Inventory for Language Learning. Paper presented at the Language Testing Research Colloquium, Monterey, CA

**Tiếng Nhật**

Ishida Toshiko (1995). 『日本語教授法』大修館書店

Okita Yoko (1995). 「漢字学習ストラテジーと学生の漢字学習に対する信念」 『世界の日本語教育』5号、国際交流基金日本語国際センター

Okita Yoko (1998). 「初級教科書の漢字学習ストラテジー使用及び漢字学習信念に与える影響」

『世界の日本語教育』8号、国際交流基金日本語国際センター

Kano Chieko (1998). 「初中級学習者に対する漢字指導の試案」 『筑波大学留学生センター日本語教育論集』13号

Nakamura Shigeho (1997). 「日本語学習者の漢字学習ストラテジーに関する調査と考察」 『日本語教育研究』33 言語文化研究所

Thân Thị Kim Tuyền (2005). 「漢字学習ストラテジーベトナム人日本語学習者を対象として」 修士論文

Yokosuka Ryuko (1995). 「日本語の語彙における学習ストラテジー」 『日本語教育の課題 ICU日本語教育40周年記念論集』国際基督教大学

## INVESTIGATING TECHNIQUES IN LEARNING KANJI CHARACTERS BY VIETNAMESE STUDENTS OF JAPANESE

Than Thi Kim Tuyen

*VNU University of Languages and International Studies,  
Pham Van Dong, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

**Abstract:** A difficulty to learners of Japanese is Kanji characters, which account for over 7,000 words, or 2,500 characters. Besides, learners must memorize all the 3 factors concerning these Kanji characters: their form (how to write), their pronunciation (how to pronounce, e.g. ON and KUN sounds), and their meaning. Various techniques must be utilized to memorize these characters. This study investigates the use of such techniques by 123 junior students at the Faculty of Japanese Language and Culture, University of Languages and International Studies (ULIS), Vietnam National University, Hanoi (VNU), and identifies the frequencies of their use. Also, the study establishes differences between male and female students, and among students at varying levels of Japanese proficiency (N1, N2 and N3), in the use of such techniques. Responses to open-ended questions in the questionnaire also reveal techniques other than those listed which are also used by the students. The findings show that “Looking up unknown words in dictionaries” and “Re-write the characters repeatedly” account for the highest frequencies, and other more frequently used techniques are related to Sino-Vietnamese words. The gender factor presents itself in more visual techniques used by male students, while female students tend to write more and relate Kanji characters to relevant elements. Another important finding is the higher the students’ level of Japanese proficiency, the less their reliance on Sino-Vietnamese words.

**Keywords:** Kanji, Kanji learning strategy, Sino-Vietnamese word

## PHỤ LỤC

## CÂU HỎI ĐIỀU TRA VỀ THỦ PHÁP HỌC CHỮ HÁN

## I. Thông tin cá nhân:

1. Họ và tên:
2. Tuổi
3. Giới tính a. Nam b. Nữ
4. Bạn hiện có chứng chỉ năng lực tiếng Nhật  
a. Có ( N1 N2 N3 N4 N5) b. Không

## II. Bạn hãy khoanh tròn một số ( từ 1 đến 4) phù hợp với câu trả lời của bạn.

- 4 = hay dùng      3= thỉnh thoảng dùng      2. Ít khi dùng      1. Không dùng

## A. Để ghi nhớ cách viết chữ Hán

Hay dùng(4)	thỉnh thoảng dùng	(3) ít khi dùng(2)	không dùng (1)	
1. Ghi nhớ thật kỹ hình dạng chữ Hán	4	3	2	1
2. liên tưởng đến các bức tranh và hình ảnh cụ thể	4	3	2	1
3. liên tưởng đến các chữ kana hoặc các chữ hán đơn giản đã biết	4	3	2	1
4. liên tưởng các chữ Hán có hình dạng tương tự đã biết.	4	3	2	1
5. chú ý tới các thứ tự các nét viết của chữ Hán đó	4	3	2	1
6. nhớ thật kỹ nét đầu tiên	4	3	2	1
7. viết đi viết lại nhiều lần	4	3	2	1
8. khi viết cố gắng sử dụng chữ Hán	4	3	2	1
9. tìm hiểu nguồn gốc cấu tạo của chữ Hán đó	4	3	2	1
10. nhớ theo bộ	4	3	2	1
11. chú ý tới các thành phần hợp thành chữ Hán đó	4	3	2	1
12. ghi nhớ hình dạng gắn liền với ý nghĩa của chữ Hán đó	4	3	2	1
13. nhớ chữ Hán gắn liền với khung cảnh khi nhìn thấy nó	4	3	2	1
14. hệ thống những chữ Hán có hình dạng gần giống nhau	4	3	2	1
15. Các cách khác				

## B. Để ghi nhớ cách đọc chữ Hán

1. nhớ âm Kun và âm On đồng thời một lúc	4	3	2	1
2. vừa đọc vừa viết cách đọc xuống	4	3	2	1
3. đoán cách đọc của chữ Hán qua hình dạng của nó	4	3	2	1
4. tổng kết thành những chữ Hán mà có cách đọc giống nhau	4	3	2	1
5. liên tưởng với âm của những từ tiếng Việt	4	3	2	1
6. liên tưởng với âm của những từ Nhật đã học	4	3	2	1
7. liên tưởng với âm Hán Việt	4	3	2	1
8. chú thích cách đọc bên cạnh chữ Hán	4	3	2	1
9. các cách khác				

## C. Để ghi nhớ ý nghĩa của chữ Hán

1. gắn liền với ý nghĩa của bộ chữ	4	3	2	1
2. đoán ý nghĩa của chữ Hán từ hình dạng hoặc bộ chữ	4	3	2	1

- |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| 3. liên hệ với những chữ Hán đồng nghĩa | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 4. liên hệ với những chữ Hán trái nghĩa | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 5. liên hệ với âm Hán Việt              | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 6. các cách khác                        |   |   |   |   |

**D. Âm Hán Việt**

- |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| 1. ghi nhớ âm Hán Việt  | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 2. dùng âm Hán Việt như tạo ra những từ ghép mới                  | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 3. chú ý với sự khác nhau về ý nghĩa của chữ Hán Việt và Hán Nhật | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 4. nhớ bằng cách liên tưởng với âm On                             | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 5. đoán nghĩa của từ ghép bằng âm Hán Việt                        | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 6. các cách khác  |   |   |   |   |

**E. Những câu chuyện về các chữ Hán**

- |  |   |   |   |   |
|--|---|---|---|---|
| 1. dùng những câu chuyện đã có để nhớ chữ Hán                    | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 2. dùng những câu chuyện của thầy cô giáo dạy để ghi nhớ chữ Hán | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 3. Tự mình nghĩ ra những câu chuyện để nhớ chữ Hán               | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 4. các cách khác   |   |   |   |   |

**F. Ghi nhớ chữ Hán trong ngữ cảnh**

- |  |   |   |   |   |
|--|---|---|---|---|
| 1. nhớ chữ Hán trong từ ghép                       | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 2. nhớ chữ Hán trong câu văn nào mà nó xuất hiện   | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 3. đọc nhiều để ghi nhớ chữ Hán                    | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 4. đặt câu và tạo ra từ ghép mà sử dụng chữ Hán đó | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 5. các cách khác                                   |   |   |   |   |

**G. Lên kế hoạch học tập**

- |   |   |   |   |   |
|---|---|---|---|---|
| 1. nhất định ôn và chuẩn bị bài mới trước khi đến lớp                 | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 2. tra từ điển lại những từ chữ Hán đã học                            | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 3. ghi lại những từ đã học vào sổ tay chữ Hán                         | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 4. hàng ngày hoặc hàng tuần học chữ Hán vào những thời gian nhất định | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 5. hàng ngày hoặc hàng tuần học một số lượng chữ Hán nhất định        | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 4. định rõ số lượng chữ Hán sẽ học                                    | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 5. tự mình tạo ra các (card) chữ Hán hoặc là hệ thống vào sổ từ       | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 6. luôn mang theo các (card) chữ Hán hoặc sổ từ chữ Hán               | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 9. dán chữ Hán lên tường, cửa,..... để ghi nhớ                        | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 10. tự làm những bài kiểm tra chữ Hán, nếu có từ nào mới thì tự học   | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 11. cùng với bạn luyện tập chữ Hán                                    | 4 | 3 | 2 | 1 |
| 12. các cách khác   |   |   |   |   |

**H. Những phản ứng mang tính tình cảm**

1. chú ý hệ thống để không mắc lại lỗi lần nữa	4	3	2	1
2. hệ thống hóa những chữ Hán hay nhầm vào số từ	4	3	2	1
3. nhớ những chữ Hán mà mình thích	4	3	2	1
4. nhớ những chữ Hán mà mình ghét	4	3	2	1
5. nhớ những chữ Hán khó	4	3	2	1
6. các thủ pháp khác				

**I. Nguồn chữ Hán**

1. hỏi thầy cô giáo những chữ Hán không biết	4	3	2	1
2. hỏi bạn bè những chữ Hán mình không biết	4	3	2	1
3. tra từ điển những chữ Hán mình không biết	4	3	2	1
4. chú ý từ những chữ Hán mà gặp ở ngoài lớp học như biển hiệu	4	3	2	1
5. xem phim, tivi có phụ đề tiếng Nhật	4	3	2	1
6. học qua các bài hát Nhật Bản	4	3	2	1
7. đọc tiếng Nhật in trên các nhãn hàng, tờ hướng dẫn sử dụng	4	3	2	1
8. đọc sách, truyện tranh Nhật Bản	4	3	2	1
9. sử dụng các giáo trình chuyên cho chữ Hán	4	3	2	1
10. sử dụng giáo trình hỗ trợ ngoài giáo trình chuyên cho chữ Hán	4	3	2	1
11. sử dụng Internet				

Ngoài những thủ pháp nêu trên, nếu còn thủ pháp nào khác thì xin bạn hãy viết xuống dưới đây  
Xin chân thành cảm ơn về sự cộng tác của bạn.